The Virtues Series

BÉ HỌC LỄ GIÁO

Bài học về **trách nhiệm**

Thử thách lớn của Brandon

Brandon's big test

SONG NGỮ ANH-VIỆT

First News

Ken Spillman – James Tan

Biên dịch: **Bùi Thị Ngọc Hương**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

THỬ THÁCH LỚN CỦA BRANDON

First News

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:

HOÀNG THỊ HƯỜNG

Biên tập: Nguyễn Thị Hoài Thanh

Bìa: Nguyễn Hùng

Trình bày: Bích Trâm

Sửa bản in: Lê Thị Kim Hồng

Tác giả: Ken Spillman

Minh họa: James Tan

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM - ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

Thực hiện liên kết

Công ty TNHH Văn hóa Sáng tạo Trí Việt (First News)

11H Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

In lần thứ 1, số lượng 4.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Vườn Lài (106 Đào Duy Từ, P. 5, Q. 10, TP. HCM). Xác nhận đăng ký xuất bản số 4637-2016/CXBIPH/07-328/THTPHCM ngày 19/12/2016 - QĐXB số 1633/QĐ - THTPHCM-2016 ngày 21/12/2016. In xong và nộp lưu chiểu quý I/2017. ISBN: 978-604-58-5918-6.

THÂN GỬI QUÝ PHỤ HUYNH VÀ QUÝ THẦY CÔ GIÁO,

Chúng ta vẫn thường lấy làm ngạc nhiên rằng đôi khi những điều tưởng chừng như nhỏ bé, bình dị và hết sức đơn giản lại có thể có ảnh hưởng rất lớn đến con trẻ.

Trong bộ sách này, tác giả Ken Spillman hoàn toàn không giáo dục các em theo một khuôn mẫu lễ giáo cứng nhắc, mà thay vào đó, ông đã dùng chính góc nhìn của trẻ thơ để biểu đạt rõ nét những cảm xúc, sự nhạy cảm và chiều sâu suy nghĩ trong mỗi tình huống cuộc sống hằng ngày mà các em có thể đã, đang và sẽ gặp, song chưa có cách cư xử hay suy nghĩ thích hợp.

Bộ sách THẦN ĐỒNG TIẾNG ANH - BÉ HỌC LỄ GIÁO là những câu chuyện đời thường, sinh động giúp các em hiểu rõ rằng những chọn lựa, những lời hứa, những cách cư xử tuy nhỏ nhưng sẽ góp phần lớn trong việc xây dựng nên tính cách, lễ giáo của mỗi người.

Mỗi nhân vật tí hon sẽ thuật lại câu chuyện và cách giải quyết tình huống của riêng mình, từ đó các độc giả nhí sẽ có thể nhìn nhận lại bản thân, học hỏi thêm điều mới. Nhờ vậy, tính cách tích cực sâu thẳm trong các em sẽ phát triển một cách tự nhiên.

Hơn nữa, có nhiều nghiên cứu cho rằng văn học có sức mạnh to lớn trong việc định hình trí tuệ và tâm hồn của trẻ em. Theo học giả Gates và Mark: “Thông qua cánh cửa văn học, chúng ta được bước vào một thế giới vô hình, một thế giới cho phép chúng ta có sự nhìn nhận, cảm thông, thấu hiểu đến mức cuối cùng sẽ làm thay đổi chính cách chúng ta nhìn nhận bản thân và cuộc sống”.

Vì thế, điểm đặc biệt nữa của bộ sách này nằm ngay chính bản thân câu chữ tiếng Anh được chọn lọc từ 5.000 từ vựng căn bản dành cho trẻ em.

Mỗi tập truyện chứa gần 1.000 từ vựng tiếng Anh thông dụng sẽ giúp các em vừa trau dồi vốn từ vừa nâng cao khả năng đọc hiểu và cách xử lý ngôn từ mang đậm tính văn học của mình. Những từ khó sẽ được in nghiêng để các em có thể học thêm.

Tôi tin chắc các em sẽ đạt được những điều này qua bộ sách này của Ken Spillman.

Tiến sĩ - Giáo sư phụ tá Myra Garces-Bacsal,

Điều phối viên Chương trình Thạc sĩ chất lượng cao

Học viện Giáo dục Quốc gia, Singapore

[image]

CHAPTER 1 - CHƯƠNG 1

"A puppy? You really want a puppy?"

Brandon did - he really did. Lots of other families had pets. Brandon saw people walking their dogs all the time.

Why was Mum making it sound like the craziest idea ever?

***

"Cún con hả? Con muốn nuôi cún thật à?"

Brandon muốn - thực sự rất muốn. Rất nhiều gia đình khác cũng nuôi thú cưng. Brandon thấy người ta dắt chó đi dạo suốt.

Sao mẹ cứ làm như đó là ý kiến điên rồ nhất từ trước giờ thế nhỉ?

[image]

"Puppies are not toys, you know. They grow into dogs and live for a long time. They need to be fed, washed and taken outdoors for exercise."

Brandon knew all that. "I'll feed it. I'll take it for walks. You won't have to worry about anything. I promise!"

***

"Này, con cũng biết cún con không phải là đồ chơi. Chúng sẽ lớn lên và sống rất lâu. Chúng cần được cho ăn, tắm rửa và dắt đi dạo tập thể dục."

Brandon biết hết những điều đó chứ. "Con sẽ cho nó ăn. Con sẽ dắt nó đi dạo. Ba mẹ không phải lo bất cứ chuyện gì đâu. Con hứa đấy!"

[image]

Mum looked doubtful and Brandon sulked.

“I’m sorry, Brandon, but right now I can’t even trust you to pack your bag properly.”

Brandon put his face in his hands. Mum had been disappointed when he forgot his water bottle on Tuesday, and she was furious when he didn’t pack his homework two days later.

***

Mẹ tỏ ra nghi ngờ, còn Brandon thì hờn dỗi.

“Mẹ xin lỗi con, Brandon, nhưng bây giờ mẹ còn không tin con có thể tự soạn cặp đi học cho tốt nữa.”

Brandon úp mặt vào hai bàn tay. Mẹ đã rất thất vọng khi cậu quên mang theo bình nước vào hôm thứ Ba, rồi đã nổi cáu lên khi hai ngày sau đó cậu không đem theo vở bài tập.

***

A puppy would be different. He knew it would. A puppy lived and breathed and played games. It could never be forgotten.

But Brandon knew that arguing with Mum wouldn’t get him anywhere. He went to his room and flopped onto his bed.

***

Nhưng mà cún con thì khác chứ. Cậu biết rõ là nó sẽ khác. Cún con sẽ sống, hít thở và chơi đùa. Làm sao mà quên bẵng nó được.

Nhưng Brandon biết rằng tranh cãi với mẹ cũng chẳng có ích gì. Cậu về phòng và nằm phịch xuống giường.

[image]

A long time ago, Brandon had asked Mum and Dad for a brother or sister. They had laughed, and Dad had explained that they were perfectly happy with just one child.

“What about me?” Brandon thought. “Don’t they know I could be perfectly happy with just one pet?”

***

Cách đây khá lâu, Brandon đã đòi ba mẹ sinh cho mình một đứa em trai hoặc một đứa em gái. Nhưng ba mẹ chỉ cười, rồi ba giải thích rằng chỉ cần một đứa con là ba mẹ hoàn toàn hạnh phúc rồi.

“Vậy còn mình thì sao chứ?”, Brandon thầm nghĩ. “Ba mẹ không hiểu là mình cũng chỉ cần có một chú cún cưng là cực kỳ hạnh phúc rồi à?”

[image]

Slowly, an idea took shape in Brandon’s mind.

What if he could do something to convince Mum that he could look after a pet? He wouldn’t argue - he would prove it by his actions.

What would that take? There was only one way to find out. He would ask Mum.

***

Dần dần, một ý nghĩ lóe lên trong đầu Brandon.

Nếu cậu làm gì đó để thuyết phục mẹ rằng cậu có thể chăm sóc một chú cún con thì sao nhỉ? Cậu không tranh cãi nữa - mà sẽ dùng hành động để chứng minh.

Có thành công không nhỉ? Chỉ có duy nhất một cách để biết thôi. Cậu sẽ hỏi mẹ.

***

“Mum, how can I show you that I’d take good care of a puppy? I’ll do anything.”

Mum took a deep breath, as if she was going to give Brandon a short, sharp lecture. Then she sighed.

“Let me think about it,” she said.

***

“Mẹ ơi, con phải làm sao để chứng minh cho mẹ thấy con có thể chăm sóc tốt cho một chú cún ạ? Con sẽ làm bất cứ việc gì.”

Mẹ hít một hơi thật sâu, cứ như đang chuẩn bị đưa ra những lời đanh thép ngắn gọn nhất để "lên lớp" Brandon. Sau đó, mẹ thở dài.

"Để mẹ suy nghĩ đã", mẹ nói.

[image]

CHAPTER 2 - CHƯƠNG 2

The next day, Mum called a family meeting. Dad and Mum sipped coffee. It was obvious to Brandon that they had been talking.

“You want to prove yourself,” Mum began. “We think that’s great. But we need you to prove yourself over time - not just for a day or a week.”

***

Ngày hôm sau, mẹ mở cuộc họp gia đình. Ba và mẹ nhâm nhi cà phê. Brandon biết chắc ba mẹ sẽ nói về chuyện của mình.

Mẹ mở lời trước: “Con muốn chứng tỏ bản thân. Ba mẹ nghĩ điều đó rất tốt. Nhưng con cần chứng tỏ bản thân lâu dài, chứ không phải chỉ một ngày hay một tuần”.

[image]

Brandon’s heart skipped. They hadn’t said it, but he knew what this meant. They’d let him get a puppy!

“I will, I will!” Brandon exclaimed.

Dad unfolded a list and pushed it across the table. “This is your test. What do you think?”

“You can prove something, not only to us but also to yourself,” Mum added.

***

Tim Brandon nhảy rộn lên. Ba mẹ không nói rõ, nhưng cậu hiểu câu nói đó nghĩa là gì. Ba mẹ đã cho phép cậu nuôi cún!

“Dạ, được ạ, được ạ!”, Brandon vui mừng hét lớn.

Ba mở ra một tờ danh sách và đặt lên bàn: “Đây là thử thách của con. Con thấy sao?”.

“Con có thể chứng minh điều gì đó, không chỉ với ba mẹ mà còn với chính bản thân con”, mẹ bổ sung.

***

The list was short. Mum and Dad watched Brandon as he read it.

1. Pack your bag properly every day.

2. Grow wheatgrass in a tray on the balcony.

3. Take good care of Auntie May’s dog for one month-she will tell you how.

4. No reminders, no excuses!

***

Danh sách ngắn thôi. Ba và mẹ chăm chú nhìn Brandon khi cậu đọc nó.

1. Soạn cặp đi học mỗi ngày thật tốt.

2. Trồng cỏ lúa mì trong khay ở ban công.

3. Chăm sóc tốt chú chó của dì May trong một tháng - dì sẽ cho con biết cần phải làm gì.

4. Không đợi nhắc nhở, không được viện cớ!

[image]

Brandon raised his eyebrows. “Wheatgrass?”

“For the blender - we’ll add it to healthy fruit drinks,” Mum said. “It’ll be easy. Just make sure the wheat grains always have water.”

“Is Auntie May going away?” Brandon asked next.

Dad shook his head. “No, but we’ve asked her to let you take complete charge of the dog. She’ll just check on you.”

***

Brandon nhướng mày: “Cỏ lúa mì ạ?”.

“Để xay đó con - mình sẽ thêm nó vào những thức uống trái cây tốt cho sức khỏe”, mẹ nói. “Cũng dễ mà, con chỉ cần đảm bảo mấy hạt lúa mì luôn được tưới nước đầy đủ.”

“Dì May đi xa ạ?”, Brandon hỏi tiếp.

Ba lắc đầu: “Không, nhưng ba mẹ đã xin dì cho phép con hoàn toàn chịu trách nhiệm chăm sóc chú chó của dì ấy. Dì sẽ chỉ giám sát con thôi”.

***

Auntie May lived nearby.

She was old, and her dog was old too. His name was Nelson. He looked scruffy and his hair dropped all over Auntie May’s house.

Dì May sống gần nhà.

Dì đã lớn tuổi, và chú chó của dì cũng già khú rồi. Nó tên Nelson. Trông nó bẩn bẩn, còn lông thì rụng khắp nhà dì May.

***

Sometimes Brandon had seen Auntie May walking her dog.

It was slow work, not because Auntie May walked slowly but because Nelson lifted his leg at every post and tree.

The thought of looking after Nelson didn’t thrill Brandon at all, but he nodded his head anyway.

“Fine,” he said. “And if I do everything, can we have a dog of our own?”

“No,” Dad replied. “You will get a dog of your own, and we will be relying on you to take good care of it.”

***

Thỉnh thoảng, Brandon nhìn thấy dì May dắt chó đi dạo.

Đó là một công việc chậm lê thê, không phải vì dì May đi chậm mà do Nelson cứ cẳng chân chơi đùa với mọi cái cột, mọi thân cây.

Cái ý nghĩ phải chăm sóc Nelson không khiến Brandon hứng thú chút nào, nhưng cậu vẫn gật đầu đồng ý.

“Dạ, được ạ”, cậu nói. “Và nếu con làm hết mọi việc thì mình sẽ có một chú cún của riêng nhà mình phải không ạ?”

“Không”, ba trả lời. “Con sẽ có chú cún của riêng con, còn ba mẹ tin con sẽ có thể chăm sóc tốt cho nó.”

[image]

[image]

CHAPTER 3 - CHƯƠNG 3

As Mum had predicted, growing wheatgrass was easy.

Brandon packed his bag carefully every day. Sometimes he unpacked and repacked it, just to be sure he hadn't forgotten anything.

Only the part of his test that involved Nelson was hard.

***

Hệt như mẹ đã đoán, trồng cỏ lúa mì thật đơn giản.

Mỗi ngày, Brandon đều cẩn thận soạn cặp đi học. Đôi khi, cậu còn lấy tất cả ra và xếp vào lại, chỉ để chắc rằng cậu không quên thứ gì.

Duy chỉ có phần thử thách liên quan đến Nelson là gay go.

***

Each morning, Brandon got out of bed ten minutes earlier than usual. He pulled on his clothes and ran over to Auntie May's house, letting himself in with a key she had given him. Nelson would be curled up, grunting and groaning in his sleep.

When Brandon filled his water bowl, Nelson would open his eyes, show his teeth and growl.

***

Mỗi buổi sáng, Brandon rời khỏi giường sớm hơn mười phút so với thường lệ. Cậu mặc vội áo quần và phi như bay đến nhà dì May, mở cửa vào nhà bằng chìa khóa dì đã giao cho cậu. Nelson lúc ấy vẫn còn đang say ngủ, nằm cuộn tròn, thở khò khè và rên ư ử.

Khi Brandon đổ đầy bát nước của nó, Nelson liền mở mắt và nhe

nanh gầm gừ.

[image]

Walking Nelson after school was no fun at all.

Nelson was like a stick insect, slow and creaky - until another dog appeared. Then he'd go round and round and tangle the lead - all in an effort to sniff the end of the dog that Brandon would most want to avoid sniffing.

***

Dắt Nelson đi dạo sau giờ học thật chẳng vui chút nào.

Nelson cứ như mấy con bọ que lề mề và kêu ồn ào - mãi cho đến khi một con chó khác xuất hiện. Khi đó, chú ta sẽ quay mòng mòng, chạy vòng quanh và làm rối tung dây dẫn chỉ để khụt khịt đánh hơi cái mông của con chó đó, đến nỗi Brandon gần như muốn nín thở luôn.

***

After the walk, it was Nelson's dinnertime.

Brandon learned how to open a can, spoon out half of the dog food and cover it with crunchy little biscuits. Finally, he had to top it all with a scoop of powder that relieved Nelson's aching joints.

***

Sau buổi đi dạo là đến giờ ăn tối của Nelson.

Brandon đã học được cách mở nắp hộp thức ăn, dùng muỗng lấy ra nửa phần ăn và phủ bánh quy giòn bé xíu lên đó. Cuối cùng, cậu còn phải rắc lên trên một muỗng lớn bột giảm đau khớp cho Nelson.

[image]

Nelson loved eating. Soon, too, he loved Brandon for being the one who fed him.

He stopped growling at Brandon in the mornings and he wagged his stiff old tail when Brandon arrived after school.

When Auntie May showed Brandon how to bathe him, Nelson didn't seem to mind at all.

***

Nelson thích ăn lắm. Vì thế, chẳng mấy chốc nó mê tít Brandon vì cậu là người cho nó ăn hàng ngày.

Nó chẳng những không còn gầm gừ với Brandon vào mỗi buổi sáng mà còn ngoe nguẩy cái đuôi già cứng ngắc khi Brandon đến chơi với nó sau giờ tan trường.

Khi dì May chỉ Brandon cách tắm cho nó, Nelson dường như chẳng cảm thấy phiền toái tí nào.

[image]

After the first week, Auntie May was impressed.

"Let's see if you're still satisfied after two weeks," Brandon heard Mum tell her.

After the second week, Auntie May was even more impressed.

"It's only two weeks," Mum said. "It's still a novelty for him."

***

Chỉ sau tuần đầu tiên, dì May đã thực sự bị ấn tượng.

"Để xem dì còn thấy hài lòng sau hai tuần không nhé!", Brandon nghe mẹ nói với dì ấy.

Sau tuần thứ hai, dì May thậm chí còn thấy ấn tượng hơn.

"Mới chỉ hai tuần thôi", mẹ nói. "Đây vẫn còn là điều mới lạ đối với thằng bé."

***

Brandon knew what a novelty was, and looking after Nelson didn't seem like a novelty at all.

Already, it felt normal. It was like brushing his teeth - not exactly fun, but part of his routine. Nelson needed water, and he needed food. For Brandon, the day could not begin or end before he'd done what he had pledged to do.

***

Brandon hiểu điều mới lạ nghĩa là gì, nhưng chăm sóc Nelson dường như không giống một việc mới mẻ gì hết.

Thật vậy, việc này rất đỗi bình thường. Nó giống như việc cậu phải đánh răng - dù không thực sự vui vẻ gì, nhưng đã trở thành một phần của thói quen hằng ngày. Nelson cần nước uống, cần đồ ăn. Còn đối với Brandon, trước khi bắt đầu hay kết thúc một ngày, cậu phải thực hiện xong danh sách những việc đã hứa với ba mẹ.

[image]

“A month is a long time, isn’t it?” Dad said one day. “Imagine an animal relying on you for a year, or two years, or ten.”

Brandon nodded. “I brush my teeth every day,” he said. “I’ll still be brushing my teeth ten years from now, right?”

“Good answer,” Dad replied. “But it’s not the same thing.”

***

“Một tháng quả là khoảng thời gian dài, con nhỉ?”, có ngày ba nói. “Con hãy tưởng tượng một con vật phải lệ thuộc vào con trong một năm, hai năm, hay thậm chí mười năm xem.”

Brandon gật đầu. “Con đánh răng mỗi ngày”, cậu tự tin nói. “Và con sẽ vẫn đánh răng trong mười năm tới, đúng không ạ?”

“Trả lời hay đấy”, ba đáp. “Nhưng hai việc này không giống nhau.”

***

Brandon couldn’t figure that out. “Why not?”

“Because your teeth are part of you. A dog is not.”

“A pet becomes part of you too,” Brandon said. “Auntie May says so.”

Dad smiled again. “Another good answer.” Then he laughed. “Mind you, she hasn’t got any teeth to take care of!”

***

Brandon không hiểu có gì mà không giống nhau chứ. “Tại sao ạ?”

“Vì răng con là một phần của con. Còn một chú chó thì không phải.”

“Thú cưng cũng sẽ trở thành một phần của chủ nhân nó”, Brandon nói. “Dì May bảo thế mà.”

Ba lại cười: “Lại là một câu trả lời hay”. Sau đó ba bật cười to: “Nhưng nhắc con nhớ này, dì ấy chẳng còn cái răng nào để chăm sóc cả!”.

[image]

CHAPTER 4 - CHƯƠNG 4

One morning during the fourth week, Brandon woke with a fever. Just moving his head took effort. When he swallowed, his throat prickled.

Brandon changed out of his pyjamas and shuffled out of the house.

***

Một buổi sáng trong tuần thứ tư, Brandon thức giấc với một cơn sốt. Chỉ riêng việc di chuyển đầu thôi cũng phải gắng sức. Còn khi nuốt nước miếng, cổ họng đau nhói.

Brandon uể oải thay đồ ngủ rồi lê bước ra khỏi nhà.

***

When Brandon returned, Mum was making breakfast. She took one look at him and put her hand on his forehead. “You’re burning up! Why didn’t you tell me?”

“Nelson,” Brandon croaked.

“Silly,” Mum said. She got a tablet for him and blended a drink of fresh juices - orange, apple, ginger and wheatgrass.

***

Khi Brandon trở về, mẹ đang làm bữa sáng. Mẹ nhìn Brandon rồi đặt tay lên trán cậu: “Con sốt cao quá! Sao con không nói với mẹ?”.

“Nelson”, Brandon cất giọng khàn khàn.

“Khờ quá!”, mẹ nói. Mẹ lấy một viên thuốc và xay một ly nước ép trái cây tươi gồm cam, táo, gừng và cỏ lúa mì cho cậu.

[image]

Brandon was kept home from school. He slept and he rested. But late that afternoon, he got ready to go to Auntie May's.

"You're not going anywhere like this," Mum told him. "I'll call Auntie May for you."

"No, Mum," Brandon replied. "It's my job. No excuses, remember?"

***

Brandon nghỉ học ở nhà. Cậu ngủ và nghỉ ngơi. Nhưng khi chiều muộn, cậu chuẩn bị đến nhà dì May.

"Con không được đi đâu hết trong tình trạng này", mẹ nói với cậu. "Mẹ sẽ giúp con gọi điện cho dì May."

"Không được đâu, mẹ à", Brandon trả lời. "Đó là việc của con mà. 'Không được viện cớ', mẹ nhớ chứ?"

[image]

Mum would not be swayed. She sent Brandon back to bed immediately and punched numbers into her phone.

When Dad came home, Brandon was miserable.

***

Mẹ vẫn kiên quyết không đồng ý. Mẹ buộc Brandon trở về giường ngay lập tức rồi bấm điện thoại.

Khi ba đi làm về, Brandon đang ủ rũ.

[image]

"I know you're sick, but why look so sad and sorry for yourself?" Dad asked gently.

"Nelson," Brandon said. "Mum wouldn't let me go."

"I know. But you've already shown that we can depend on you. You've done everything we've asked and you've been very reliable with Nelson. Mum and I have decided you're ready to have a puppy - and we'll get you one, just as soon as you're well."

***

“Ba biết con đang ốm, nhưng sao trông con buồn và đau lòng thế?”, ba nhẹ nhàng hỏi.

“Nelson”, Brandon nói. “Mẹ không cho con đi.”

“Ba biết rồi. Nhưng con đã chứng minh rằng ba mẹ có thể tin tưởng ở con. Con đã hoàn thành tốt mọi việc ba mẹ yêu cầu và con rất đáng tin cậy đối với việc chăm sóc Nelson. Ba mẹ quyết định cho phép con nuôi một chú cún. Ba mẹ sẽ mua cho con một em cún ngay khi con khỏi bệnh!”

[image]

That’s exactly what they did.

Brandon played with little Nelly continually. He walked her round the neighbourhood.

***

Và đó chính xác là những gì ba mẹ đã làm.

Brandon liên tục chơi đùa mỗi ngày với chú cún bé nhỏ Nelly. Cậu dắt nó đi dạo khắp phố trên xóm dưới.

***

Whenever they saw Auntie May and Nelson, Brandon would stop and give the old dog a pat.

After all, Nelson had given Brandon something - the chance to prove something important.

***

Bất cứ khi nào tình cờ gặp dì May và Nelson, Brandon đều dừng lại và vuốt ve chú chó già.

Nói cho cùng, chính Nelson đã tặng Brandon một điều quý giá - cơ hội để chứng minh một điều gì đó quan trọng.

DISCUSSION QUESTIONS - CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN

1) Do you have a pet? Does anyone you know have a pet? What are some of the things you need to think about when taking care of a pet?

2) Why was Brandon's mum doubtful about him being able to take care of a puppy?

3) What idea did Brandon use to convince his parents that he could look after a pet?

4) Why do you think Brandon's parents needed him to prove himself over time, and not just for a day or a week?

5) At the start, how did Brandon feel about the different tasks he had to do to prove his reliability to his parents? How did this change two weeks later?

6) It took Brandon a lot of effort when he was sick to carry on with his normal routine of taking care of Nelson, but he wanted to do so anyway. Why was this so important to Brandon?

7) When Brandon's parents saw that he had been very reliable with Nelson, they decided that Brandon was ready to have a puppy. What does it mean to be reliable?

8) Have you ever needed to prove something to someone? Share more about what you needed to do, how you felt about it, and what happened in the end?

9) Share any experiences/stories of how you (or someone you know) has been reliable, perhaps at home or at school. What did the person do to show that he or she was reliable?

10) Do you know of someone who is unreliable? What has made

you feel that he/she is not reliable? Why do you think it is important for a person to be reliable?

***

1. Em có con thú cưng nào không? Em có biết ai có nuôi thú cưng không? Đâu là những điều em cần nghĩ đến khi chăm sóc thú cưng?

2. Tại sao mẹ của Brandon không tin cậu ấy có thể chăm sóc cho một chú cún?

3. Brandon đã nghĩ ra ý gì để thuyết phục ba mẹ rằng cậu ấy có thể chăm sóc cho thú cưng?

4. Theo bạn, tại sao ba mẹ Brandon cần cậu ấy chứng tỏ bản thân lâu dài chứ không chỉ trong một ngày hay một tuần?

5. Lúc bắt đầu, Brandon cảm thấy như thế nào về những nhiệm vụ khác nhau mà cậu phải làm để tạo niềm tin với ba mẹ? Điều này đã thay đổi như thế nào sau hai tuần?

6. Khi bị ốm, Brandon cần phải cố gắng hết sức để tiếp tục công việc chăm sóc Nelson thường ngày, nhưng cậu vẫn muốn làm. Tại sao điều này lại quan trọng đối với Brandon như vậy?

7. Khi ba mẹ Brandon nhận thấy cậu rất đáng tin cậy đối với việc chăm sóc Nelson, họ quyết định rằng Brandon đã sẵn sàng nuôi một chú cún. Đáng tin cậy có nghĩa là gì?

8. Em đã bao giờ cần chứng minh điều gì đó với ai chưa? Hãy chia sẻ thử thêm về những điều em cần làm gì để chứng minh điều đó, lúc đó em cảm thấy như thế nào và kết quả cuối cùng ra sao?

9. Hãy chia sẻ bất kỳ trải nghiệm/câu chuyện nào về em (hay về một người mà em biết) đã tỏ ra đáng tin cậy, ở nhà hoặc ở trường. Người đó đã làm gì để chứng tỏ họ là người đáng tin cậy?

10. Em có biết một người nào đó không đáng tin cậy không? Điều gì khiến em cảm thấy rằng họ không đáng tin cậy? Tại sao em nghĩ rằng làm người đáng tin cậy là điều quan trọng?